

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 1959

LUẬT

BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tình trạng tài sản, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên, đều có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội, và từ hai mươi mốt tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 3

Công dân đang ở trong Quân đội có quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Quốc hội theo Điều 2 Luật này.

Điều 4

Những người bị Toà án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử ứng cử và những người mất trí không có quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 5

Kinh phí về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội do ngân sách Nhà nước chịu.

CHƯƠNG II

DANH SÁCH CỬ TRI

Điều 6

Lúc lập danh sách cử tri, những công dân có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội cư trú thường xuyên hay tạm thời ở đâu đều được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi đó.

Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri ở một nơi cư trú.

Điều 7

Danh sách cử tri do các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, xã, thị trấn lập theo khu vực bỏ phiếu.

Danh sách cử tri ở các đơn vị Quân đội và Công an nhân dân vũ trang do các Ban chỉ huy đơn vị Quân đội và Công an nhân dân vũ trang lập cho mỗi khu vực bỏ phiếu.

Điều 8

Chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày bầu cử, phải niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, xã, thị trấn hay là tại những nơi công cộng của khu vực bỏ phiếu. Đồng thời phải thông báo cho nhân dân biết việc niêm yết và phải vận động nhân dân tham gia kiểm tra danh sách.

Điều 9

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu thấy có sai lầm hoặc thiếu sót thì trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày niêm yết, nhân dân có quyền khiếu nại hoặc báo cáo bằng miệng hoặc bằng giấy lên cơ quan lập danh sách. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào một quyển sổ những khiếu nại hoặc báo cáo miệng. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại hoặc báo cáo, cơ quan lập danh sách phải giải quyết xong.

Nếu người khiếu nại hoặc báo cáo chưa đồng ý về cách giải quyết đó, thì có quyền khiếu nại lên Tòa án nhân dân huyện, châu, thị xã hoặc thành phố. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Tòa án nhân dân phải giải quyết xong; quyết định của Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng.

Điều 10

Từ khi công bố danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác không thể tham gia bỏ phiếu được ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri, thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban hành chính nơi đó để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia

bỏ phiếu nơi mới đến. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban hành chính phải ghi ngay vào danh sách, bên cạnh tên người cử tri: "Đi bỏ phiếu nơi khác".

CHƯƠNG III

ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 11

Đại biểu Quốc hội do từng đơn vị bầu cử bầu ra.

Số đại biểu định cho mỗi đơn vị bầu cử là căn cứ vào số dân của đơn vị đó: cứ năm vạn (50.000) dân được cử một đại biểu; nếu số lẻ còn lại quá hai vạn năm nghìn (25.000) thì được thêm một đại biểu.

ở những khu vực công nghiệp tập trung và ở những thành phố trực thuộc trung ương thì có thể từ một vạn (10.000) đến ba vạn (30.000) dân được cử một đại biểu.

Điều 12

Dựa vào dân số dân tộc thiểu số so với dân số toàn quốc, số đại biểu Quốc hội dành cho các dân tộc thiểu số bằng khoảng một phần bảy tổng số đại biểu Quốc hội.

Số đại biểu Quốc hội dành cho các dân tộc thiểu số do Ủy ban thường vụ Quốc hội phân phối, nhằm bảo đảm cho các dân tộc thiểu số có số đại biểu tương xứng trong Quốc hội.

Điều 13

Đơn vị bầu cử là tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu (không chia tỉnh) và khu công nghiệp tập trung nói ở Điều 11.

Những tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu hay là khu công nghiệp tập trung, dân số đông, số đại biểu có từ mười người trở lên thì có thể chia thành nhiều đơn vị bầu cử.

Điều 14

Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu cho mỗi đơn vị do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, và phải được công bố chậm nhất là hai tháng trước ngày bầu cử.

Điều 15

Mỗi đơn vị bầu cử sẽ chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Mỗi khu vực bỏ phiếu gồm từ năm trăm (500) đến hai nghìn năm trăm (2.500) dân. Việc chia khu vực bỏ phiếu nhằm bảo đảm sự thuận tiện đi bỏ phiếu của nhân dân.

Đặc biệt ở những nơi như miền núi, hải đảo, v.v... có những thôn, xóm cách xa nhau thì dù số dân chưa tới năm trăm (500) người, cũng có thể thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Các nhà thương, nhà đỡ đẻ, nhà an dưỡng, nhà nuôi người tàn tật có từ năm mươi (50) cử tri trở lên, có thể tổ chức thành khu vực bỏ phiếu riêng.

Điều 16

Việc chia khu vực bỏ phiếu sẽ do các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, xã, thị trấn định và phải được Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Điều 17

Các đơn vị Quân đội và Công an nhân dân vũ trang sẽ tổ chức thành khu vực bỏ phiếu riêng.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ - BAN BẦU CỬ

TỔ BẦU CỬ

Điều 18

Phụ trách tổ chức việc bầu cử đại biểu Quốc hội:

ở trung ương có Hội đồng bầu cử;

ở mỗi đơn vị bầu cử có Ban bầu cử;

ở mỗi khu vực bỏ phiếu có Tổ bầu cử.

Điều 19

Chậm nhất là năm mươi năm ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Hội đồng bầu cử gồm hai mươi năm người, đại biểu cho các chính đảng, các đoàn thể nhân dân trong cả nước.

Hội đồng bầu cử ra một Chủ tịch, một hoặc nhiều Phó Chủ tịch, và một hoặc nhiều Thư ký.

Nhiệm vụ và quyền hạn Hội đồng bầu cử như sau:

1- Kiểm tra và đôn đốc việc thi hành luật lệ bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước;

2- Xét và giải quyết những khiếu nại về công tác của Ban bầu cử,

Tổ bầu cử;

3- Tiếp nhận và kiểm tra biên bản bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến, làm biên bản ghi kết quả cuộc bầu cử trong cả nước;

- 4- Tuyên bố kết quả cuộc bầu cử trong cả nước;
- 5- Cấp giấy chứng nhận cho đại biểu trúng cử;
- 6- Trình Quốc hội biên bản tổng kết bầu cử cùng những hồ sơ tài liệu về bầu cử.

Điều 20

Chậm nhất là bốn mươi năm ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban hành chính tỉnh, khu (không chia tỉnh) và thành phố trực thuộc trung ương thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một Ban bầu cử gồm từ chín đến mười lăm người, đại biểu cho các chính đảng, các đoàn thể nhân dân ở địa phương.

Ban bầu cử bầu ra một Trưởng ban, một Phó ban và một hoặc nhiều Thư ký.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban bầu cử như sau:

- 1- Kiểm tra và đôn đốc các Tổ bầu cử chấp hành đúng đắn luật lệ bầu cử đại biểu Quốc hội;
- 2- Kiểm tra và đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu;
- 3- Xét và giải quyết những khiếu nại về công tác của Tổ bầu cử;
- 4- In và phân phối phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử, chậm nhất là bảy ngày trước ngày bầu cử;
- 5- Kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;
- 6- Tiếp nhận đơn ứng cử, lập và niêm yết danh sách người ứng cử, xét và giải quyết những khiếu nại về việc lập danh sách người ứng cử;
- 7- Kiểm tra công việc bầu cử tại các phòng bỏ phiếu;
- 8- Tiếp nhận, kiểm tra biên bản kiểm phiếu do các Tổ bầu cử gửi đến, làm biên bản ghi kết quả bầu cử trong đơn vị để gửi lên Hội đồng bầu cử và tuyên bố quả đó;
- 9- Giao tài liệu hồ sơ về bầu cử cho Ủy ban hành chính các tỉnh, khu (không chia tỉnh), thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 21

Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bầu cử, các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, xã, thị trấn, thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử gồm từ năm đến mười một người, đại biểu cho các tầng lớp nhân dân ở địa phương. Các đơn vị Quân đội và các đơn vị Công an nhân dân vũ trang thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu của mình một Tổ bầu cử gồm từ năm đến chín đại biểu của quân nhân hoặc công an nhân dân vũ trang.

Tổ bầu cử bầu ra một Tổ trưởng, một Tổ phó và một hoặc nhiều Thư ký.